**ĐỀ CƯƠNG I**

**Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002,**

**Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể**

*(Kèm theo Công văn số /SNN-PTNT ngày tháng năm 2021*

*của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Phần I**

**BỐI CẢNH VÀ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI**

**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW**

**I. BỐI CẢNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW**

**-** Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW và trong thời gian thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

- Đặc điểm và những yêu cầu về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong thời gian thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

**II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW**

- Trách nhiệm của địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết (bao gồm cả các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư sau khi Nghị quyết được ban hành[[1]](#footnote-2)); liệt kê cụ thể các quyết định, kế hoạch, chương trình hành động… triển khai Nghị quyết.

- Các hình thức triển khai thực hiện Nghị quyết, những cách làm, những bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh những cách làm mới, sáng tạo, được đánh giá là hiệu quả khi triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế này.

*(Thống kê văn bản theo mẫu Phụ lục I.1 đính kèm)*

**Phần II**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾTSỐ 13-NQ/TW VÀ TÌNH HÌNH**

**PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2001-2021**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thực tiễn hoạt động, bám sát các định hướng, nhiệm vụ vềđổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW, đề nghị các địa phương tổng kết, đánh giá theo các nội dung sau đây:

**1. Về thống nhất nhận thức trong quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã**

Thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của tổ chức kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhất là trong bối cảnh tâm lý hoài nghi, mặc cảm với mô hình hợp tác xã kiểu cũ trong xã hội tại thời điểm Nghị quyết được ban hành còn khá phổ biến.

a) Về thống nhất nhận thức các quan điểm đã nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW: Đề nghị các địa phương đánh giá sâu và đề xuất ý kiến hoàn thiện các quan điểm sau:

Quan điểm 1: *“Kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn”.* Quan điểm này đã được hiểu thế nào? Vai trò, ý nghĩa của sở hữu thành viên, sở hữu tập thể trong mỗi tổ chức kinh tế tập thể đã thống nhất về nhận thức trong xã hội chưa? Những vấn đề gì cần làm rõ để thống nhất nhận thức và thực hiện quan điểm của Nghị quyết trong các bộ, ngành và địa phương?

Quan điểm 2: *“Phân phối theo lao động, theo vốn góp và mức độ tham gia dịch vụ; hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thành viên kinh tế tập thể bao gồm các thể nhân và pháp nhân, cả người ít vốn và nhiều vốn, cùng góp vốn và góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi và quản lý dân chủ”.*Quan điểm này còn nội dung gì chưa rõ; phải làm rõ thêm để thống nhất nhận thức và thực hiện được quan điểm này?

Quan điểm 3: *“Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của các thành viên và lợi ích của tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội của thành viên, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tiến lên làm giàu cho các thành viên, phát triển cộng đồng. Đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể phải toàn diện cả kinh tế-chính trị-xã hội, cả hiệu quả của tập thể và của các thành viên”* đã nhận thức thống nhất chưa? Cần phải làm rõ thêm vấn đề gì để thống nhất nhận thức và thực hiện quan điểm này?

Quan điểm 4: *“Tiếp tục phát triển kinh tế tập thể trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn, trong đó trọng tâm là ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phải trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ, trang trại phát triển; gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”*đã được nhận thức thống nhất chưa? Cần làm rõ thêm những vấn đề gì để thống nhất nhận thức và thực hiện quan điểm này?

Quan điểm 5: *“Khuyến khích việc tích lũy và sử dụng có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã”* đã được nhận thức đúng chưa và thống nhất chưa? Cần làm rõ thêm những điểm nào để thống nhất nhận thức và thực hiện được quan điểm này?

 Quan điểm 6: *“Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể... Phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh…) trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia kinh tế tập thể”* đã được nhận thức thống nhất chưa và cần làm rõ những điểm nào để thống nhất nhận thức và thực hiện được quan điểm này?

Quan điểm 7: *“Phát triển kinh tế tập thể theo phương châm tích cực nhưng vững chắc, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đi từ thấp đến cao đạt hiệu quả thiết thực, vì sự phát triển của sản xuất, tránh duy ý chí, nóng vội, gò ép, áp đặt; đồng thời không buông lỏng lãnh đạo để mặc cho tình hình phát triển tự phát, chậm nắm bắt và đáp ứng nhu cầu về phát triển kinh tế hợp tác của nhân dân”* đã thống nhất được nhận thức chưa? Cần bổ sung, làm rõ điểm gì để thống nhất nhận thức và thực hiện được quan điểm này?

b) Về phương thức triển khai: Các địa phương cần báo cáo những biện pháp, cách thức triển khai trong việc tuyên truyền và thống nhất nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã; kết quả đạt được từ những biện pháp đó trong đó nêu rõ những nội dung nào đã có sự thống nhất, nội dung nào còn chưa thống nhất; những vấn đề còn vướng mắc trong công tác thống nhất nhận thức.

**2. Về xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển**

Sau khi Nghị quyết được ban hành, môi trường thể chế để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển đã từng bước được hoàn thiện, nhiều văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới, trong đó có Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Hợp tác xã năm 2012 cùng rất nhiều các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành.

Đề nghị các địa phương đánh giá trên các khía cạnh sau đây:

- Tính đầy đủ của hệ thống văn bản pháp luật: thông qua việc thống kê số văn bản pháp luật do địa phươngtrình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Tính đầy đủ, phù hợp trong việc thể chế hóa: các quan điểm, định hướng, nhiệm vụ về phát triển hợp tác xã của Đảng thể hiện trong Nghị quyết 13-NQ/TW và các văn kiện Đại hội Đảng, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư được ban hành từ sau khi có Nghị quyết số 13-NQ/TW đến nayđã thể chế hóa đầy đủ hay chưa? Nội dung nào còn chưa được thể chế (nếu có); trong quá trình thể chế có vướng mắc gì không? Đối với những văn bản đã ban hành và có hiệu lực thi hành trên thực tế cần đánh giá mức độ phù hợp của chính sách với thực tiễn.

- Tính kịp thời của văn bản: đánh giá tính kịp thời của văn bản thông qua việc xem xét thời gian ban hành so với chiến lược, kế hoạch hoặc chương trình xây dựng văn bản pháp luật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tính khả thi và hiệu lực của văn bản: đã bảo đảm tính khả thi ngay khi được ban hành và có hiệu lực hay phải chờ văn bản hướng dẫn để thực hiện, nêu những nội dung trong các Luật hoặc văn bản dưới luật chưa khả thi, hoặc ban hành ra không thực hiện được.

- Việc phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về hợp tác xã.

**Lưu ý:**

*- Việc đánh giá không dàn trải theo năm mà tập trung vào từng giai đoạn để có tính tổng quát, có thể so sánh, đối chiếu nhằm làm rõ sự phát triển của hệ thống pháp luật. Các số liệu nên thống kê và phân tích, đánh giá theo các thời điểm: trước khi có Luật Hợp tác xã năm 2003 (trước năm 2003); giai đoạn sau khi có Luật Hợp tác xã năm 2003 (từ năm 2003 đến hết năm 2012) và giai đoạn sau khi có Luật Hợp tác xã năm 2012 (từ năm 2012 đến nay).*

*- Cách viết nên theo hướng nêu nhận định, đánh giá, sau đó là các số liệu chứng minh, không nên liệt kê.*

**3. Về các cơ chế, chính sách**

a) Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực:

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và nghiệp vụ cho khu vực kinh tế tập thể.

- Chính sách thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về công tác tại hợp tác xã.

- Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với thành viên và người lao động làm việc theo hợp đồng trong hợp tác xã.

b)Chính sách đất đai:

Chính sách giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hợp tác xã nông nghiệp để xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp (trạm bơm, mương máng, điện, đường, khu để máy móc thiết bị) phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối”; thuê đất để sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh.

c) Chính sách tài chính tín dụng:

- Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế;

- Ưu đãi vốn vay mua vật tư đầu vào, bán sản phẩm đầu ra cho sản xuất nông nghiệp.

- Xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã nông nghiệp.

- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

- Chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ.

- Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường.

- Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

- Chính sách khác:

+ Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

+ Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

+ Hỗ trợ về chế biến sản phẩm.

d) Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

đ) Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động hợp tác xã.

e)…….

**Lưu ý:** đối với mỗi chính sách cần xác định rõ:

*+ Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương. Trong đó làm rõ những cơ chế, chính sách có tính chất đột phá nhằm đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.*

*+ Kết quả triển khai thực hiện từ khi chính sách được ban hành (số hợp tác xã tác xã tiếp cận, hưởng lợi chính sách, kinh phí hỗ trợ); các cách thức (cơ chế triển) khai chính sách; hiệu quả của chính sách (ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của chính sách đối với sự phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã).*

*+ Những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách cần phải khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện.*

*(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục I.4 đính kèm)*

**4. Về nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước**

a) Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể:

Báo cáo rõ nội dung quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp của địa phương mình hiện đang được phân công cho đơn vị nào là đầu mối quản lý (ở cấp huyện lập phòng nào?). Là đơn vị chuyên trách hay kiêm nhiệm? Số lượng biên chế được giao để thực hiện nhiệm vụ được phân công (ghi rõ số lượng cán bộ chuyên trách, số lượng cán bộ kiêm nhiệm).

Địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tại địa phương chưa? Cơ cấu tổ chức, số lượng, thành phần? Vai trò của Ban Chỉ đạo trong phát triển kinh tế tập thể tại địa phương.

b) Về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể:

- Đánh giá về công tác đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của hợp tác xã, xây dựng hệ thống thông tin về hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, chính sách hỗ trợ ưu đãi đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể của Bộ, ngành đối với địa phương; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của hợp tác xã, của cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Đánh giá về thí điểm những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành. *(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục I.2 đính kèm)*

**Lưu ý:** ngoài việc mô tả thực trạng, khi đánh giá cần là rõ được một số nội dung cụ thể sau:

*- Về tổ chức bộ máy: việc tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tại địa phương đã đạt được mục tiêu của Nghị quyết và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn của phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa?*

*- Về công tác phân công, phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã: việc phân công công việc đã đúng chức năng, nhiệm vụ chưa? Có sự chồng chéo giữa các đơn vị không? Việc phối hợp giữa các đơn vị trong xử lý nhiệm vụ như thế nào?*

*- Về thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước: đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chưa? Những nhiệm vụ nào đã thực hiện nhưng còn chưa tốt? Những nhiệm vụ nào chưa thực hiện được (nếu có); có trình trạng buông lỏng quản lý hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động của hợp tác xã (như can thiệp vào phương án sản xuất kinh doanh và công tác nhân sự của hợp tác xã) không?*

*- Về đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã: có am hiểu và nhận thức đúng về lĩnh vực kinh tế tập thể? Công tác đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã?*

*- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã.*

**II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃNÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2001 - 2021**

**1. Về tổ hợp tác trong nông nghiệp**

- Tổng hợp số liệu và đánh giá sự phát triển của các loại hình tổ hợp tác (số lượng, số thành viên, số tổ có đăng ký, cơ cấu tổ hợp tác trong các lĩnh vực...) so sánh số liệu dự kiến ngày 31/12/2021với số liệu thời điểm31/12/2001;

- Tính chất và trình độ phát triển của các tổ hợp tác;

- Tình hình và kết quả hoạt động của các tổ hợp tác, vai trò của tổ hợp tác trong việc giúp các hộ thành viên phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao thu nhập, đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo; so sánh số liệu dự kiến ngày 31/12/2021với số liệu thời điểm 31/12/2001;

- Kết quả việc khắc phục các hạn chế, khó khăn của tổ hợp tác (về nhận thức, về pháp lý, về mô hình và công tác quản lý, về các biện pháp trợ giúp,...);

- Những hạn chế, khó khăn và những vấn đề mới phát sinh của tổ hợp tác hiện nay.

*(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục I.3 đính kèm)*

**2. Về hợp tác xã nông nghiệp**

a) Tình hình phát triển hợp tác xã: số lượng, quy mô, mức góp vốn, mô hình tổ chức và kết quả hoạt động (so sánh số liệu thời điểm ngày 31/12/2001với số liệu dự kiến 31/12/2021):

- Số lượng hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), trong đó có số lượng hợp tác xãthành lập mới; số lượng hợp tác xã đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng hợp tác xã đã chuyển đổi, giải thể.

- Số thành viên hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021(tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001) trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào hợp tác xã; số lao động làm việc trong khu vực hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), số lao động mới.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các hợp tác xã trong từng ngành, lĩnh vực (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001):

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Tổng doanh thu của hợp tác xã, tổng lợi nhuận của hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Đóng góp của khu vực hợp tác xã vào tổng sản phẩm của địa phương và của nền kinh tế (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 và so với thời điểm 31/12/2001);

- Tổng số nợ đọng của hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước 01/01/1997 và từ 01/01/1997 đến 31/12/2021), tổng số nợ đọng của thành viên với hợp tác xã.

- Tổng số hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012.

c) Những chuyển biến của hợp tác xã về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác.

d) Năng lực nội tại của các hợp tác xã: về vốn; về cơ sở vật chất; về cán bộ quản lý và người lao động làm việc trong các hợp tác xã; về công tác tổ chức, quản lý trong hợp tác xã.... (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021với số liệu thời điểm 31/12/2001).

đ) Hiệu quả kinh tế và xã hội của hợp tác xã; vai trò của hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội khác trong cộng đồng.

*(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục I.3 đính kèm)*

**3. Về liên hiệp hợp tác xã**

a)Tình hình phát triển liên hiệp hợp tác xã: số lượng, quy mô, mức góp vốn, mô hình tổ chức và kết quả hoạt động (so sánh số liệu thời điểm ngày 31/12/2001 với số liệu dự kiến 31/12/2021):

- Số lượng liên hiệp hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), trong đó có số lượng liên hiệp hợp tác xã thành lập mới; số lượng liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng liên hiệp hợp tác xã đã chuyển đổi, giải thể.

- Số hợp tác xã thành viên dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001) trong đó số hợp tác xã thành viên mới tham gia vào liên hiệp hợp tác xã; số lao động làm việc trong liên hiệp hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), số lao động mới.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các liên hiệp hợp tác xã trong từng ngành, lĩnh vực, vùng (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001):

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Tổng doanh thu của liên hiệp hợp tác xã, tổng lợi nhuận của liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Thu nhập bình quân của thành viên, lao động trong liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Tổng số nợ đọng của liên hiệp hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước 01/01/1997 và từ 01/01/1997 đến 31/12/2021), tổng số nợ đọng của thành viên với liên hiệp hợp tác xã.

- Tổng số liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012.

c) Những chuyển biến của liên hiệp hợp tác xã về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của liên hiệp hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác.

d) Năng lực nội tại của liên hiệp hợp tác xã: về vốn; về cơ sở vật chất; về cán bộ quản lý và người lao động làm việc trong liên hiệp hợp tác xã; về công tác tổ chức, quản lý trong liên hiệp hợp tác xã.... (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001).

đ) Hiệu quả kinh tế và xã hội của liên hiệp hợp tác xã; vai trò của liên hiệp hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội khác trong cộng đồng.

*(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục I.3 đính kèm)*

**4. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã**

a) Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nổi bật, điển hình với cách làm mới:

Mỗi địa phương lựa chọn 1-3 mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nổi bật nhất của địa phương, ngành mình; báo cáo khái quát về tên, địa chỉ, loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; đóng góp nổi bật của hợp tác xã trong việc mang lại lợi íchcho thành viên (tạo việc làm, nâng cao thu nhập, phát huy tinh thần dân chủ, đoàn kết, tương thân tương ái….), vai trò của hợp tác xã đối với cộng đồng dân cư và sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn.

Thông tin chi tiết về hoạt động của hợp tác xã đề nghị đính kèm trong phụ lục báo cáo.

b) Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị:

Mỗi địa phương lựa chọn 1-2 mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị; báo cáo khái quát về tên, địa chỉ, loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; công đoạn tham gia của hợp tác xã trong chuỗi giá trị; vai trò của hợp tác xã trong toàn bộ chuỗi giá trị; lợi ích thu được từ chuỗi giá trị (đối với hợp tác xã; đối với thành viên tham gia hợp tác xã; các đối tượng khác trong chuỗi giá trị).

Thông tin chi tiết về hoạt động của hợp tác xã đề nghị đính kèm trong phụ lục báo cáo.

**Lưu ý:** *Nếu có sự trùng lặp với hợp tác xã đã nêu ở mục a thì chỉ cần nêu lại tên, đồng thời bổ sung các nội dung theo yêu cầu.*

**III. HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ NGUYÊN NHÂN**

1. Những hạn chế, bất cập trong thống nhất nhận thức và quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

2. Những hạn chế, bất cập trong việc xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận tiện cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

3. Những hạn chế, bất cập trong việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và triển khai cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

4. Những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý của nhà nước về kinh tế tập thể. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

**IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**1. Đánh giá tổng quát**

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện ở mục I và mục II, đối chiếu với yêu cầu của Nghị quyết số 13-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư[[2]](#footnote-3):

- Đánh giá vai trò, ý nghĩa và đóng góp của kinh tế tập thể, hợp tác xã đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước trong 20 năm qua.

- Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 13-NQ/TW, những mục tiêu nào đã đạt được, mục tiêu nào chưa đạt được; các mục tiêu này còn phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã không? Các mục tiêu mới cần đặt ra trong giai đoạn tới?

- Đánh giá những nội dung còn phù hợp của từng nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết số 13-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tiếp tục thực hiện; các nội dung không còn phù hợp; những việc chưa làm được, những việc không làm được; những việc cần thực hiện trong thời gian tới.

- Đánh giá về việc khắc phục những hạn chế, yếu kém của kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được nêu ra trong Nghị quyết; hạn chế nào đã được khắc phục, hạn chế nào còn tồn tại, hạn chế nào mới phát sinh.

**2. Bài học kinh nghiệm**

Trên cơ sở chỉ ra những nội dung của từng định hướng, giải pháp trong Nghị quyết số 13-NQ/TW được cho là còn phù hợp với bối cảnh, tình hình hiện nay cần tiếp tục thực hiện; những nội dung không còn phù hợp; những việc chưa làm được, những việc không làm được từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong việc ban hành, triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Phần III**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN TỚI**

**I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

**1. Bối cảnh trong nước và thế giới**

a) Dự báo bối cảnh tình hình phát triển kinh tế- xã hội trong nước, quốc tế và của tỉnh có ảnh hưởng đến việc đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Những cơ hội, thách thức đặt ra đối với phát triển kinh tế tập thể

- Cơ hội:

- Thách thức:

**2. Những yêu cầu đặt ra và xu hướng mới phát triển kinh tế tập thể**

- Yêu cầu về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm?

- Yêu cầu về lựa chọn mô hình hợp tác, liên kết trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm?

- Yêu cầu về hợp tác, liên kết để ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ và sản xuất hàng hóa lớn?

- Yêu cầu về nâng cao năng lực cạnh tranh của hợp tác xã trong bối cảnh Việt Nam hội nhập và thực hiện các hiệp định thương mại song phương và đa phương?

- Yêu cầu về phát triển hợp tác xã trong các ngành, lĩnh vực mới như: y tế, dược, nhà ở, giáo dục - đào tạo, bảo hiểm…

- Xu hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung đòi hỏi phải đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa những người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu.

*Đề nghị các địa phương làm rõ thêm các yêu cầu đặt ra và xu hướng phát triển kinh tế tập thể, đồng thời bổ sung các yêu cầu, xu hướng khác.*

**II. QUAN ĐIỂM**

1. Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phát huy vai trò của khu vực tư nhân, vừa tăng cường sức mạnh tập thể, cộng đồng, tăng sức mạnh của từng thành viên và của cả cộng đồng, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã là thành phần kinh tế quan trọng, cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, là động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở nước ta.

3. Phát triển kinh tế tập thể nhanh và bền vững, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của người dân và tổ chức tham gia với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng, phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá - xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với điều kiện, đặc điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng vùng và của cả nước.

4. Phát triển kinh tế tập thể theo hướng gắn sản xuất, kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm và đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng cộng đồng thân thiện, văn minh. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp, liên đoàn hợp tác xã.

5. Phát triển kinh tế tập thể phù hợp với quy luật khách quan, dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xu hướng phát triển và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tiếp thu kinh nghiệm, ứng dụng linh hoạt, hiệu quả mô hình thành công trong nước và quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

6. Phát triển kinh tế tập thể đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt của Đảng, nhà nước và của toàn xã hội.

*Đề nghị địa phương có ý kiến vào các quan điểm nêu trên, có thể bổ sung các quan điểm khác, bám sát các định hướng của Đảng tại Văn kiện ĐH XIII.*

**III. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút nông dân, hộ kinh tế cá thể, cá nhân và nhiều tổ chức tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã; không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội cho các thành viên, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước.

*Đề nghị các địa phương bổ sung thêm về mục tiêu tổng quát.*

**2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

a) Về mục tiêu đến năm 2030:

- Số lượng liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, số thành viên?

- Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 60%- 70% trên tổng số hợp tác xã. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 25%; 80% giám đốc hợp tác xã được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc.

- Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản trong lĩnh vực nông nghiệp:.... Hợp tác xã?.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu có khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Xử lý dứt điểm các hợp tác xã đã ngừng hoạt động và các hợp tác xã chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã.

*(Theo các mục tiêu tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030)*

- Các mục tiêu khác (bổ sung nếu cần thiết):

+ Đóng góp của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (bao gồm giá trị gia tăng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và các thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác) vào GRDP/GDP hằng năm?

+ Tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo…

+ Thành viên và người lao động làm việc theo hợp đồng trong hợp tác xã được bảo đảm quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Về tầm nhìn đến năm 2045:…

**IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Về thống nhất và nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể.

2. Về tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương; sự phối hợp của các bộ ngành, đoàn thể trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3. Về hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển.

4. Về kiện toàn cơ cấu tổ chức cơ quan quản lý nhà nước vềkinh tế tập thể, liên minh hợp tác xã các cấp và các tổ chức chính trị-xã hội liên quan đến kinh tế tập thể.

5. Về đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể.

6. Về xây dựng các mô hình kinh tế tập thể kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Về nhân rộng và phát triển mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

8. Về tư vấn, hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

9. Về hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm truyền thống của các liên hiệp hợp tác xã,hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân.

10. Về tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước và thị trường để hỗ trợ các mô hình kinh tế tập thể sản xuất gắn với chuỗi giá trị làm cơ sở để triển khai nhân rộng.

11. Về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, bảo đảm an sinh xã hội thông qua mô hình kinh tế tập thể.

12. Về tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể.

13. Về vai trò, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

14. Các nhiệm vụ, giải pháp khác: ….

**V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG LÃNH, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2025 NHẰM TẬP TRUNG NGUỒN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, CẤP THIẾT, TẠO ĐIỂM NHẤN, NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ CHO CÁC GIAI ĐOẠN TIẾP THEO**

Đề nghị các địa phương nghiên cứu, lựa chọn những vấn đề trọng tâm, quan trọng nhất của địa phương mình cần xử lý ngay từ nay đến năm 2025 và đưa ra những giải pháp đột phá để xử lý các vấn đề đã nêu.

**Phần IV**

**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và lựa chọn những nội dung thiết thực để khích lệ, động viên nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Hướng dẫn, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức đoàn thể phối hợp với cơ quan nhà nước cùng cấp tăng cường tuyên truyền, vận động và lựa chọn những nội dung thiết thực để khích lệ, động viên nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Tăng cường hoạt động động giám sát việc thực thi pháp luật về Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Các kiến nghị khác: ….

**3. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương**

**4. Các kiến nghị khác: ….**

1. Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tang cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. [↑](#footnote-ref-2)
2. Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. [↑](#footnote-ref-3)